

Phát triển dịch vụ thanh toán ngân hàng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Nguyễn Thị Châu Long

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh

Bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ ngân hàng thế giới, ngân hàng nhà nước và báo cáo kiểm toán của các ngân hàng nhằm phân tích, đánh giá thực trạng phát triển của dịch vụ thanh toán ngân hàng ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy dịch vụ thanh toán ngân hàng ở Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ, cụ thể dịch vụ thanh toán điện tử và thanh toán qua thẻ phát triển mạnh, dịch vụ thanh toán của hệ thống ngân hàng ngày càng đổi mới nhờ tiến bộ công nghệ và đã đáp ứng được nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên so với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á thì dịch vụ thanh toán ngân hàng của nước ta vẫn còn ở mức thấp và còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Từ đó, bài viết nêu một số kiến nghị góp phần phát triển dịch vụ thanh toán ngân hàng ở Việt Nam hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Dịch vụ thanh toán ngân hàng tại Việt Nam đã có sự phát triển mạnh trong những năm vừa qua với nhiều hình thức đa dạng, hiện đại bởi tính ưu việt về sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn và hiệu quả góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất, lưu thông hàng hóa và dịch vụ. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, dịch vụ thanh toán ngân hàng có vị trí quan trọng đặc biệt trong hoạt động kinh tế đối ngoại nói chung và trong hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng, là khâu quan trọng trong quá trình mua bán, trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân thuộc các quốc gia khác nhau. Riêng đối với các ngân hàng, việc phát triển dịch vụ thanh toán góp phần tăng thu nhập cho các ngân hàng, gia tăng lượng khách hàng và gia tăng khả năng cạnh tranh của các ngân hàng nói chung. Đến năm 2020, toàn thị trường có trên 300.000 thiết bị chấp nhận thẻ POS được lắp đặt, với số lượng giao dịch đạt khoảng 200 triệu giao dịch/năm. Để đảm bảo quyền lợi của khách hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ngày 10/01/2017, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-NHNN về việc tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử và thanh toán thẻ. Chính vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng phát triển dịch vụ thanh toán ngân hàng có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

2. Thực trạng phát triển dịch vụ thanh toán ngân hàng tại Việt Nam

Với sự phát triển mạnh mẽ của tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng như xuất phát từ những yêu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, dịch vụ thanh toán ngân hàng ở Việt Nam đã có sự phát triển

mạnh mẽ, cụ thể là các dịch vụ Internet, dịch vụ qua thiết bị di động, dịch vụ thẻ phát triển mạnh. Khởi đầu cho việc phát triển dịch vụ thanh toán ngân hàng là việc thành lập Hội đồng thanh toán quốc gia (NPC) vào năm 1994 với sự tham gia của 5 ngân hàng quốc doanh và 3 ngân hàng thương mại cổ phần, do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chủ trì và được Ngân hàng Thế giới tài trợ vốn. Đây là chương trình mang tầm cỡ quốc gia, thực hiện các mục tiêu chiến lược về tập trung thanh toán bù trừ và chuyển tiền toàn quốc, tiêu chuẩn quốc tế, cơ sở hạ tầng và công nghệ tiên tiến. Và năm 1995 ngân hàng nhà nước đã khai trương hệ thống thanh toán SWIFT Việt Nam, hội nhập hoạt động thanh toán của hệ thống ngân hàng Việt Nam vào mạng chuyển tiền toàn cầu. Đồng thời năm 1993, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 91/CP ngày 25/12/1993 về tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt. Đây là bước ngoặt quan trọng đánh giá quá trình phát triển của hoạt động dịch vụ thanh toán ngân hàng, xoá bỏ cơ chế áp đặt theo mệnh lệnh hành chính, tạo cơ hội tiếp cận cơ chế thị trường trong tổ chức hoạt động thanh toán của ngành Ngân hàng Việt Nam. Từ đó, tạo điều kiện cho dịch vụ thanh toán ngân hàng phát triển mạnh. Tính đến nay, hết quý 1/2019, Việt Nam có 76 ngân hàng cung cấp dịch vụ qua internet banking, 44 ngân hàng có dịch vụ mobile banking, 16 ngân hàng triển khai QR code và hơn 30.000 điểm chấp nhận thanh toán phi tiền mặt. Bên cạnh đó nhà nước cũng đã cấp phép cho 30 đơn vị trung gian thanh toán để có thể hỗ trợ cho các khách hàng tham gia thanh toán online, phục vụ thanh toán điện tử. Một số NHTM Việt Nam đã chủ động đầu tư, ứng dụng các giải pháp công nghệ thanh toán mới, hiện đại, như: xác thực vân tay, sinh trắc, sử dụng mã QR code, thanh toán phi trực tiếp... để mang lại tiện

lợi và an toàn trong giao dịch thanh toán điện tử. Nhờ đó, dịch vụ thanh toán ngân hàng đã phát triển mạnh ở Việt Nam trong những năm gần đây, cụ thể qua thống kê của ngân hàng nhà nước cho thấy hết quý I/2019 Việt Nam có gần 270.000 thiết bị chấp nhận thẻ, 30.000 điểm chấp nhận mã phản hồi nhanh QR code, đã có 16 ngân hàng triển khai dịch vụ QR code, tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán có xu hướng giảm dần, từ 14,02% năm 2010 xuống còn khoảng 10% hiện nay. Tỷ lệ người dân 15 tuổi trở lên có tài khoản tại NHTM đạt 37,81% trong tổng dân số vào năm 2018, tăng 4 lần so với năm 2010. Số lượng thẻ do các NHTM phát hành cũng tăng lên nhanh, theo số liệu công bố vụ thanh toán ngân hàng nhà nước đến hết quý II/2019 cả nước đạt 164 triệu thẻ các loại, trong đó có khoảng gần 9% là thẻ tín dụng quốc tế.

Riêng đối với các ngân hàng, dịch vụ thanh toán ngân hàng góp phần tăng thu nhập và khả năng cạnh tranh cho các ngân hàng. Theo báo cáo tài chính kiểm toán các ngân hàng thì năm 2018 thu nhập từ dịch vụ thanh toán của các ngân hàng có sự tăng trưởng đáng kể. Trong số 23 ngân hàng thương mại có phần được thống kê, trong năm 2018, có 5 ngân hàng có thu nhập từ dịch vụ thanh toán chiếm trên 50% thu nhập từ hoạt động dịch vụ, bao gồm Eximbank (82%), Maritimebank (78%) VietBank (66,4%), VCB (65%) và ACB (53%). Nổi bật trong số này là VCB khi ngân hàng này luôn là đơn vị có thu nhập từ hoạt động dịch vụ nói chung và dịch vụ thanh toán nói riêng lớn nhất trong khối ngân hàng thương mại có phần, cùng với đó dịch vụ thanh toán cũng đóng góp lớn nhất trong hoạt động này. Cụ thể, năm 2018, thu nhập từ dịch vụ thanh toán đạt 4.590 tỷ đồng cho VCB, lợi nhuận thuần hoạt động này đạt hơn 1.683 tỷ đồng.

Hiện các ngân hàng đã có sự đầu tư mạnh nhằm cải thiện dịch vụ thanh toán và tăng thu nhập từ hoạt động này thông qua việc phát triển ngân hàng số, ứng dụng công nghệ v.v. Điển hình năm 2019 đã 7 ngân hàng đầu tiên gồm: Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank, Sacombank, TPBank, ABBank chính thức công bố ra mắt sản phẩm thẻ chip nội địa của các ngân hàng nhằm đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thanh toán đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Nhìn chung, dịch vụ thanh toán ngân hàng phát triển mạnh trong những năm vừa qua, cụ thể là các ngân hàng thương mại phát triển mạnh dịch vụ thanh toán điện tử và thanh toán thẻ.

Tuy nhiên, dịch vụ thanh toán ngân hàng ở Việt Nam vẫn còn thấp so với các quốc gia trong khu vực. Chẳng hạn, chỉ tiêu số lượng chi nhánh ngân hàng thương mại/100.000 người lớn ở Việt Nam đạt 3,9, mức khá thấp so với trung bình chung của thế giới là 12,7, trong khi đó Brunei đạt 17,2 chi nhánh NHTM/100.000 người lớn; Indonesia đạt 16,2 chi nhánh NHTM/100.000 người lớn, thậm chí Campuchia đạt 7,8 chi nhánh NHTM/100.000 người lớn, cao gấp 2 lần Việt Nam. Về

chỉ tiêu số lượng máy ATM/100.000 người lớn cho thấy, khả năng tiếp cận thị trường tiền tệ - ngân hàng ở Việt Nam tương đối thấp (25,28 máy ATM/100.000 người lớn) so với các nước trong khu vực (66,46 ở Singapore; 46,63 ở Malaysia và 54,72 ở Indonesia).

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về dịch vụ thanh toán ngân hàng năm 2018 của các quốc gia khu vực Đông Nam Á

Quốc gia	Số trong chi nhánh NHTM/100000 người lớn	Quyền sở hữu tài khoản tại 1 tổ chức tài chính đối với hộ đóng 15 tuổi trở lên (%tổng dân số)	Số lượng máy ATM/100000 người lớn
Brunei	17,2	26,57	74,13
Campuchia	7,8		42,34
Lao	3,2	36,79	25,71
Indonesia	16,2	57,02	54,72
Malaysia	10,2	88,54	46,63
Myanma	5,1	28,29	5,63
Philippin	9,1	45,36	29,11
Singapore	8,4	98,96	66,46
Thái Lan	11,7	84,29	115,12
VietNam	3,9	37,81	25,28
TB thế giới	12,7	73,85	41,64

Nguồn: <https://data.worldbank.org/indicator/FS.AST.DOMS.GD.ZS?view=chart>

Ngoài ra, theo nghiên cứu của Ngân hàng Standard Chartered công bố tháng 5/2019 về chủ đề "Số hóa tiền mặt tại ASEAN - Ý nghĩa đối với các nhà quản lý nguồn vốn doanh nghiệp và người tiêu dùng trong tương lai" thì tỷ lệ người dân (từ 15 tuổi trở lên) ở Việt Nam có tài khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thẻ ATM khá thấp so với các nước trong khu vực. Tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng ở Việt Nam chỉ đạt 30,8%, trong khi tỷ lệ khách hàng chọn trả tiền mặt khi mua hàng trực tuyến lên tới 90,17%. Điều này cho thấy thói quen dùng tiền mặt trong thanh toán ở Việt Nam là rất lớn.

Mặc dù dịch vụ thanh toán ngân hàng đạt được những kết quả nhất định trong những năm vừa qua, đáp ứng được những yêu cầu nhất định của các tổ chức cá nhân trong hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế. Song hoạt động này vẫn đang còn gặp phải những hạn chế nhất định, gây cản trở cho việc phát triển của dịch vụ thanh toán ngân hàng và có thể kể đến như sau:

Công nghệ áp dụng trong dịch vụ thanh toán tại các ngân hàng còn hạn chế, nhất là thông tin bảo mật của hệ thống thì ngân hàng chưa được tuyệt đối, còn sơ hở để nhiều kẻ gian lợi dụng lấy cắp thông tin của khách hàng để trục lợi.

Việc thu lệ phí thanh toán còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ giữa các ngân hàng. Tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt còn chiếm tỷ lệ cao trong dân chúng và doanh nghiệp, làm tăng chi phí cho nền kinh tế và phát sinh nhiều tiêu cực.

3. Kết luận và một số kiến nghị

Dịch vụ thanh toán ngân hàng ở Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, góp phần thúc đẩy

hoạt động thanh toán cho nền kinh tế nói riêng và phát triển kinh tế nói chung. Để phát triển dịch vụ thanh toán ngân hàng góp phần phát triển kinh tế nói chung, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị sau:

Ngân hàng nhà nước có vai trò quan trọng trong việc định hướng chiến lược cho các ngân hàng thương mại phát triển dịch vụ thanh toán, đặc biệt ngân hàng nhà nước cần ban hành khuôn khổ pháp lý đảm bảo cho các dịch vụ thanh toán hoạt động ổn định, hạn chế khiếu nại tranh chấp và xử lý khi xảy ra vấn đề.

Ngân hàng nhà nước cần khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ thanh toán ngân hàng và không sử dụng tiền mặt trong thanh toán giao dịch, có chính sách ưu đãi các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

Các ngân hàng thương mại ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin hiện đại nhằm cung cấp đa dạng các dịch vụ thanh toán ngân hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Ngân hàng nhà nước cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình thanh toán ngân hàng, có chế tài và hình phạt cụ thể đối với các ngân hàng không tuân thủ đúng quy định của ngân hàng nhà nước.

Tài liệu tham khảo

Lê Đình Hợp (2006) "Nhìn lại quá trình đổi mới của hệ thống ngân hàng Việt Nam về lĩnh vực thanh toán và những vấn đề của thời kì phát triển mới" Tạp chí ngân hàng số 10/2006

Nguyễn Thị Thùy Trang (2018) "Phát triển dịch vụ thanh toán ngân hàng điện tử tại Agribank" Tạp chí Tài chính, 7/2018

Nguyễn Thị Trúc Phương (2017) "Phát triển dịch vụ thanh toán ngân hàng trong giai đoạn phát triển công nghệ hiện nay" Tạp chí ngân hàng, số 19/2017

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp...

Tiếp theo trang 38

do lường hiệu quả hoạt động. TNXH cần tích hợp vào triết lý kinh doanh và văn hóa của tổ chức và tổ chức có thể lựa chọn dùng một tỷ lệ % lợi nhuận nhất định cho việc thực hiện các sáng kiến TNXH.

- Hình thành các nhóm tác nghiệp theo phòng ban thuộc Ủy ban

Chịu trách nhiệm xác định và thực hiện các hoạt động TNXH nội bộ và bên ngoài sẽ được thực hiện để đạt được các mục tiêu TNXH được xác định ở bước trên. Các hoạt động được xác định trong các lĩnh vực sau:

- + TNXH nội bộ: Phúc lợi cho người lao động, y tế, môi trường - sản xuất sạch hơn và đào tạo và phát triển.
- + TNXH bên ngoài: Phúc lợi - từ thiện, y tế cho cộng đồng, các sáng kiến giáo dục, môi trường xã hội.
- Dành thời gian cho các nhóm tác nghiệp thực hiện các hoạt động TNXH

Mỗi nhóm tác nghiệp chịu trách nhiệm về việc thực hiện các hoạt động TNXH trong phòng, ban cụ thể của mình và cần xác định các cột mốc và thời hạn cho việc thực hiện. Các quy trình kinh doanh và hệ thống quản lý có thể phải thay đổi (nếu cần thiết) để đạt được các mục tiêu TNXH mong muốn.

- Một đánh giá được thực hiện mỗi 6 tháng/lần để nắm bắt tiến độ đạt được tuân thủ các bước tiến hành theo đúng quy trình và xác định khoảng trống/thiếu sót (nếu có). Nếu có thiếu sót/hạn chế và các mục tiêu chưa được thực hiện, cần lập lại các quy trình thủ tục.

- Báo cáo TNXH:

Sau khi thực hiện thành công, đến lúc xây dựng Báo cáo Trách nhiệm kinh doanh của tổ chức. Báo cáo là công cụ để công ty công bố rộng rãi hiệu quả hoạt động về xã hội, môi trường và đạo đức, vừa là truyền thông đến các bên liên quan vừa là công cụ quản trị. Tổ chức có thể sử dụng Các hướng dẫn GRI- thiết lập các nguyên tắc và chỉ số, để đo lường và báo cáo hiệu quả hoạt động về kinh tế, môi trường và xã hội.

Thiết nghĩ, để các DN thuộc VINATEX chủ động thực hiện TNXH thì rất cần thiết phải xác định được nhân tố nào ảnh hưởng đến thực hiện TNXH của các DN. Nhu cầu thực hiện TNXH trước hết xuất phát từ sự ép của môi trường bên ngoài, sự thay đổi nhận thức và hành động của DN./

Tài liệu tham khảo

- Báo cáo thường niên của VINATEX 2018
- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2019 của VINATEX
- Vương Thị Thanh Trĩ, Hồ Đình Bảo, Lê Huyền Trang (2016). Phản tích những nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện trách nhiệm xã hội trong các doanh nghiệp thuộc lập đoàn dệt may Việt Nam, KT&PT, số 228 (II).
- Doanh nghiệp dệt may đầu tư phát triển bền vững (<http://tapchimoitruong.vn/pages/article.%3Ddoanh-nghiệp-dệt-may-dầu-tu-phát-triển-bền-vững-39245>)
- Trang chủ Tập đoàn Dệt may — Giới thiệu chung (<http://vinatex.com.vn/gioi-thieu/>)